TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 102/2018/QĐST-HNGĐ	*N, ngày 12 tháng 7 năm 2018.*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 81/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 4 năm 2018 giữa:

Nguyên đơn: Chị Bùi Thị H, sinh năm 1989.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Q1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Địa chỉ hiện nay: Thôn Đ, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Bị đơn: Anh Bùi Văn T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Thôn Q1, xã Q, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N - Đại diện theo ủy quyền là ông Mầu Xuân N3 - Phó Giám đốc phòng giao dịch.

Căn cứ vào các điều 147, 212, 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 58, 59, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 04 tháng 7 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị H và anh Bùi Văn T.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Về con chung: Chị H trực tiếp nuôi 02 con chung hiện nay đang ở với chị H là các cháu Bùi Uyển N, sinh ngày 14/4/2010 và cháu Bùi Công N2, sinh ngày 10/8/2015 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Anh T không phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp anh T lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì chị H quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh T.

Chị H cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

2.2 Về tài sản chung - Công nợ chung: Các đương sự thỏa thuận đề nghị Tòa án ghi nhận cụ thể như sau:

2.2.1 Anh T được sở hữu tài sản hiện nay anh T đang quản lý là 02 gian nhà tạm có diện tích khoảng 30 m^2 sử dụng, được xây dựng trên thửa đất số 17, tờ bản đồ số 4 Bản đồ địa chính xã Q, đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên ông Bùi Văn Q (Bố đẻ anh T).

Chị H có nghĩa vụ thanh toán công nợ chung của vợ chồng đối với Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam tại Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện N, tỉnh Ninh Bình tính đến 03/7/2018 cụ thể như sau:

- Nợ vay theo sản phẩm hộ thoát nghèo - Trung hạn số tiền gốc là 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng, nợ lãi là 176.320 (Một trăm bẩy mươi sáu nghìn ba trăm hai mươi) đồng;

- Nợ vay theo sản phẩm nước sạch - Trung hạn số tiền gốc là 12.000.000 (Mười hai triệu) đồng, nợ lãi là 76.921 (Bẩy mươi sáu nghìn chín trăm hai mươi mốt) đồng;

- Chị H tiếp tục chịu lãi đối với các khoản vay theo quy định của Ngân hàng cho đến khi trả hết nợ.

2.2.2 Anh T không phải có nghĩa vụ thanh toán chênh lệch giá trị tài sản cho chị H.

2.3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị H nhận nộp cả theo quy định của pháp luật là 150.000 đồng. Chị H đã nộp 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí ly hôn số AA/2013/0000772 ngày 24/4/2018 tại Thi hành án dân sự huyện N, như vậy chị H được hoàn lại 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dấn sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
-VKSND huyện N;
- THADS huyện N;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- UBND xã Q;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

LÃ THỊ KHUY